

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DSST

Ngày: 02/02/2024

*“V/v : Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU - TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Lê Thị Toan .

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2023/TLST-DS, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-DS ngày 16/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng A(Viết tắt: A). Địa chỉ trụ sở: Quận C, thành phố H. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đ.T.D- Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng N– Giám đốc A chi nhánh Gia Lai. Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Võ Thị L- chuyên viên quản lý nợ A chi nhánh Gia Lai. Địa chỉ: Thành Phố P, tỉnh G.

- Bị đơn: Ông Nguyễn B. S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn Pleiku Roh, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Ltrình bày:

Ngày 24/05/2017, ông Nguyễn B. S được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 19.000.000đồng (Bằng chữ: Mười chín triệu đồng chẵn), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn B. S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là

65.281.930 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi một nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn B. S đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.640.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn B. S vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Mặc dù A thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu ông Nguyễn B. S có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời A cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Nguyễn B. S trả nợ. Tuy nhiên, ông Nguyễn B. S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 02/02/2024 ông Nguyễn B. S còn nợ A tổng số tiền là 54.873.153 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm năm ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 17.722.572 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng); Lãi quá hạn: 37.150.581 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám mươi một đồng).

A kính đề nghị Quý Tòa buộc ông Nguyễn B. S phải trả ngay cho A số tiền được tính đến ngày 02/02/2024 cả gốc cộng lãi là 54.873.153 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số 912331, ngày hợp đồng 22/5/2017 và các Điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng, đồng thời buộc ông Nguyễn B. S phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

Đối với bị đơn ông Nguyễn B. S trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, thì xác định bị đơn có đăng ký thường trú tại Thôn Pleiku Roh, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Nhưng hiện tại ông Nguyễn B. S không có mặt tại địa phương, ông Sở đi đâu làm gì thì địa phương không nắm rõ vì không thấy ông Sở hay gia đình báo cáo với địa phương. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông Sở không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền xét xử theo qui định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn B. S phải trả nợ cho A số tiền 54.873.153 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm năm ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 17.722.572 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng); Lãi quá hạn tính đến ngày 02/02/2024 là: 37.150.581 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám mươi một đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và các Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn ông Nguyễn B. S có nơi cư trú tại thành phố Pleiku, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng theo qui định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với số tiền bị đơn ông Nguyễn B. S vay hạn mức sử dụng thẻ là 19.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận từ **1,6% -2,5%/tháng**. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn B. S đã thanh toán cho A số tiền 14.640.000 đồng (Bằng chữ: Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Sau đó qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn B. S vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của A.

Việc ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức sử dụng thẻ là 19.000.000 đồng, giữa nguyên đơn với bị đơn là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở tự nguyện, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía chủ Thẻ là ông Nguyễn B. S đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của A. Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn phù hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn B. S phải trả cho nguyên đơn số tiền: 54.873.153 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, tám trăm

bảy mươi ba ngàn, một trăm năm ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 17.722.572 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng); Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 02/02/2024 là: 37.150.581 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám một đồng) và **lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 912331, ngày hợp đồng 22/5/2017.**

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn B. S phải chịu 2.743.658 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm năm tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự, trả lại cho nguyên đơn tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tạm ứng trước đây.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

- Căn cứ các Điều 292, 344, 345, 351, 352, 353 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (A).

[2]. Buộc bị đơn ông Nguyễn B. S phải trả cho nguyên đơn số tiền 54.873.153 đồng (Bằng chữ: Năm mươi bốn triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn, một trăm năm ba đồng), trong đó: Nợ gốc: 17.722.572 đồng (Bằng chữ: Mười bảy triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng); Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 02/02/2024 là 37.150.581 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn, năm trăm tám một đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 912331, ngày hợp đồng 22/5/2017 cho đến ngày bị đơn trả xong nợ.

[3] Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn B. S phải nộp 2.743.658 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, bảy trăm bốn mươi ba ngàn, sáu trăm năm tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (A) số tiền: 822.984 đồng (Bằng chữ: Tám trăm hai mươi hai ngàn, chín trăm tám bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001596 ngày 08/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, Gia Lai.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo đề yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[5] Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp Pleiku;
- Chi cục THADS Tp Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC VỊ HỘI THẨM **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**